

TÌM HIỂU CƠ CẤU NHÂN SỰ trong Sử quán triều Thanh Trung Quốc

TH S. NGUYỄN HỮU TÂM

Viện Sử học

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SỬ QUÁN TRUNG QUỐC ĐẾN TRIỀU MINH

Trung Quốc là một quốc gia coi trọng lịch sử, đồng thời cũng là một quốc gia bảo tồn được một di sản tư liệu lịch sử khá toàn vẹn trên thế giới. Trong quá trình phát triển của lịch sử sử học Trung Quốc, biên soạn sử sách thường bắt nguồn từ hai khuynh hướng: Nhà nước và tư nhân. Trong đó, Nhà nước biên soạn các công trình chủ yếu đều thông qua hình thức thành lập Sử quán. Cho nên Sử quán trở thành một đặc trưng chính của sử học Trung Quốc. Sử quán - cơ quan biên soạn lịch sử nhà nước của các triều đại Trung Quốc có một vai trò vô cùng quan trọng trong việc biên soạn và lưu giữ tư liệu lịch sử.

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, trước đời Đường (618-907),

ở Trung Quốc tồn tại khuynh hướng biên soạn sử của tư nhân và khuynh hướng biên soạn sử của Nhà nước. Hai khuynh hướng này được giai cấp thống trị của các triều đại chấp nhận. Vì thế việc biên soạn lịch sử (đặc biệt của tư nhân) không thể hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của nhà cầm quyền, thậm chí do đặc điểm của biên soạn sử Thực lục ghi chép một cách chân thực (hay thường được gọi là tín sử), cho nên ít nhiều cũng ảnh hưởng không tốt tới lợi ích của giai cấp thống trị. Sau khi Tuỳ Văn đế giành được ngôi báu, để tăng cường sự thống trị tập quyền trung ương. Ông đã tiến hành kiện toàn bộ máy Nhà nước. Sử học cũng là một phương diện được đời Tuỳ chú trọng giám sát, khống chế. Vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 13 (593), Tuỳ Văn đế Dương Kiên đã hạ chiếu ngăn cấm tư nhân biên soạn quốc sử. Bài chiếu có đoạn viết, *trong dân gian có*

biên soạn quốc sử, khen ngợi người tốt, chê bai kẻ xấu, đều lệnh cho cấm tuyệt⁽¹⁾. Tuy nhiên, cho đến đời Thanh (1645-1911), tư nhân biên soạn sử vẫn được tồn tại và phát triển. Trong lịch sử sử học Trung Quốc, hai khuynh hướng biên soạn sử tư nhân và nhà nước vẫn đồng thời thúc đẩy và luôn bổ sung cho nhau. Cả hai khuynh hướng này đều đạt được những thành quả to lớn với những bộ quốc sử và tư sử được hậu thế đánh giá cao trong việc phát triển sự nghiệp sử học của các vương triều phong kiến Trung Quốc.

Trung Quốc thiết lập Sử quán- cơ quan chuyên trách việc biên soạn lịch sử bắt đầu từ đời Bắc Tề (550-577).

Đến đời Đường (618-907) việc xác lập chế độ Sử quán biên soạn lịch sử mới được chính thức thi hành. Bối cảnh thời đại của đời Đường đã tạo cơ sở vững chắc cho việc thực thi chế độ thành lập Sử quán. Đời Đường đã bắt đầu hình thành quy chế các quan trọng thần trong triều như Tể tướng, Đại thần được giữ chức Giám tu Quốc sử. Đồng thời, đời Đường còn quy định các ngành, các địa phương trong cả nước định kỳ giao nộp cho Quốc sử quán tư liệu lịch sử, bảo đảm lưu giữ kịp thời sử liệu, để phục vụ cập nhật cho việc biên soạn Thực lục và Quốc sử. Quy định này được các triều đại sau Đường kế tục thực hiện, không có thay đổi.

Chế độ Sử quán được thiết lập dưới triều Đường đã được triều Tống tiếp tục phát triển, mà quy mô Sử quán được mở rộng chính là biểu hiện nổi bật nhất. Cơ cấu biên soạn lịch sử của triều Tống có

thể khẳng định là đông đảo nhất trong lịch sử Trung Quốc. Đó là những cơ quan biên soạn lịch sử cụ thể của từng lĩnh vực như, *Sử quán, Biên tu viện, Quốc sử viện, Nhật lịch sở, Thực lục viện, Khởi cư viện, Hội yếu sở, Ngọc điệp sở, Thánh chính sở, Thời chính kí phòng*. Cũng chính từ sự phân chia tường tận này, triều Tống đã hình thành nên một thể chế biên soạn lịch sử lấy Sử quán làm cơ sở.

Tiếp theo, Sử quán của triều Liêu (tộc Khiết Đan), triều Kim (tộc Nữ Chân), triều Nguyên (tộc Mông Cổ) lần lượt được thành lập. Các triều đại này đều nhận thức tầm quan trọng của việc kế thừa chế độ Sử quán biên soạn lịch sử của Hoàng đế Trung nguyên.

Sử quán đời Minh đóng một vai trò quan trọng trong quá trình hoàn thiện việc biên soạn lịch sử do nhà nước phong kiến Trung Quốc chủ trì.

II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA SỬ QUÁN ĐỜI THANH

Sử quán đời Thanh đánh dấu giai đoạn phát triển cuối cùng của cơ quan biên soạn lịch sử do triều đình phong kiến Trung Quốc thiết lập. Sử quán đời Thanh trên các phương diện quản lý tổ chức, sắp xếp nhân sự, đều có chế độ rất chặt chẽ, thích ứng với phương thức vận hành của hệ thống quan liêu chuyên chế đương thời. Nhằm tăng cường sự khống chế đối với việc biên soạn quốc sử, triều đình Thanh thành lập Sử quán với quy mô lớn, số lượng nhân viên tham gia đông đảo, kiểm soát nghiêm mật. Trong

Hàn lâm viện, ngoài việc thiết lập Quốc sử quán, Thực lục quán ra, còn tiếp tục đặt thêm Minh giám cương mục quán, Tam thông quán, Tứ khố quán, Hội yếu quán... Các quán lại có các chức quan như Giám tu, Tổng tài, Toàn tu, Tu soạn, Biên tu, Kiểm thảo... Chỉ trừ có Giám tu thuộc loại đại thần được sủng ái kiêm nhiệm chức vụ, còn lại từ Tổng tài trở xuống, phần lớn đều do Học sĩ hoặc Thị độc, Thị giảng trong Hàn lâm viện đảm nhiệm. Mỗi khi các Quán biên soạn sử sách đều phải “Phụng sắc” biên soạn, mọi thể lệ trước tiên đều phải kinh qua nhà vua “Khâm chuẩn”, khi bản thảo hoàn thành đều phải đệ trình nhà vua “ngự lãm”. Sau khi được sự đồng ý của nhà vua “Khâm định” mới được đưa đi san khắc để ban hành rộng rãi. Sự giám sát của đời Thanh đối với Sử quán vượt trên mọi sự giám sát của các triều đại phong kiến Trung Quốc trước kia⁽²⁾. Có thể khẳng định, Sử quán đời Thanh đã đạt đến trình độ hoàn chỉnh nhất của một cơ quan biên soạn sử học nhà nước Trung Quốc từ cổ đại đến trước thời kỳ hiện đại.

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ TRONG SỬ QUÁN ĐỜI THANH

Trong quá trình xây dựng Sử quán, việc sắp xếp nhân sự là vấn đề quan trọng nhất, then chốt nhất. Các nhân viên biên soạn trong Sử quán chính là nhân tố quyết định việc biên soạn khối lượng đồ sộ của sử sách, nhằm lưu lại tư liệu lịch sử quý cho các đời sau. Theo kết quả nghiên cứu của giới sử học Trung

Quốc, cơ cấu tổ chức nhân sự trong Sử quán đời Thanh có thể chia thành 4 bộ phận như sau:

1. Đội ngũ quản lý

Là những người tổ chức và lãnh đạo cụ thể hoạt động biên soạn của Sử quán. Đội ngũ quản lý gồm có Giám tu Tổng tài, Tổng tài, Phó Tổng tài, Đề điệu...

Giám tu Tổng tài

Phụ trách toàn bộ công việc quản lý của Sử quán, thường xuyên truyền đạt ý chỉ của vua tới cho Sử quán, báo cáo công việc của Sử quán lên nhà vua, đề xuất những kiến nghị liên quan tới việc biên soạn lịch sử, thẩm định những quy định, điều lệ, kế hoạch biên soạn, bản thảo, bản in... của Sử quán. Chức quan này không phải tất cả các Sử quán đều có, chỉ một số Sử quán quan trọng như Thực lục quán, *Minh sử* quán được đặt ra. Giám tu Tổng tài của Thực lục quán bắt đầu xuất hiện từ năm Khang Hy thứ 6 (1667) biên soạn *Thế tổ thực lục*. Tháng 9 năm Khang Hy thứ 6 (1667), lệnh cho Đại học sĩ Ban Bố Nhĩ Thiện làm quan Giám tu Tổng tài. Từ sau đó trở đi, mỗi khi mở Quán biên soạn thực lục đều đặt chức quan Giám tu Tổng tài. Quan Giám tu Tổng tài thường do Nội các Đại học sĩ đảm nhiệm. Thông thường, Giám tu Tổng tài không thực sự tham gia vào việc biên soạn sách sử. Do quan Giám tu thuộc quan Đại thần của triều đình, công việc sự vụ bên ngoài rất nhiều, có lúc lại kiêm nhiệm nhiều Sử quán, cho nên không thể quản lý Sử

quán một cách chi tiết được. Nhiệm vụ chính của Giám tu Tổng tài là bảo đảm sự nhất trí giữa vấn đề chính trị trong các sử sách của nhà nước biên soạn, việc đánh giá nhân vật lịch sử với tư tưởng của giai cấp thống trị, phối hợp nhịp nhàng quan hệ giữa Sử quán và các cơ quan Nha, Vệ. Giám tu Tổng tài một khi đi nhận chức khác hoặc bị bãi miễn, hay về hưu sẽ bổ nhiệm người khác thay thế.

Tổng tài, Phó Tổng tài

Trong tất cả các Sử quán đời Thanh đều đặt chức quan Tổng tài, Phó Tổng tài. Theo quy định đời Thanh khi thành lập các quán biên soạn lịch sử, Nội các Đại học sĩ, Học sĩ, Hàn lâm viện Chương viện Học sĩ và Thượng thư, Thị lang các Bộ đều có thể được nhà vua phê chuẩn bổ dụng giữ chức Tổng tài, Phó Tổng tài. Nhưng do sự lệ thuộc của các Sử quán không giống nhau cho nên nguồn gốc của các Tổng tài, Phó Tổng tài cũng khác nhau. Nói chung đại đa số Tổng tài, Phó Tổng tài đều đến từ Nội các, Hàn lâm viện. Nhưng như Phương lược quán thì Tổng tài do Quân cơ Đại thần đảm nhiệm, không có Phó Tổng tài. Ngọc Phả quán do Tôn lệnh, Tôn chính trong Tôn Nhân phủ cùng Nội các Đại học sĩ, Học sĩ, Thượng thư bộ Lễ tạo thành. Bất kể họ đến từ nguồn nào, nhưng tất cả đều do nhà vua phụ trách.

Chánh, Phó Tổng tài trong Sử quán đời Thanh đều do các viên quan người Hán, người Mãn tổ thành. Số lượng Tổng tài, Phó Tổng tài trong các Sử quán khác nhau cũng không đồng đều. Giống như

Quốc sử quán "*Tổng tài, tuyển cử đặc biệt, không định số lượng*". Đến sau đời vua Hàm Phong, dần dần hình thành quy chế Tổng tài một người Hán và một người Mãn, chỉ có Phó Tổng tài không định số lượng. Cuối cùng đến thời kỳ vua Quang Tự, hình thành quy định Tổng tài, Phó Tổng tài đều 2 người, người Hán, người Mãn bằng nhau. *Đại Thanh Hội điển* biên soạn đời Gia Khánh, 4 Tổng tài người Hán và người Mãn, 5 Phó Tổng tài người Hán và người Mãn, nhưng sau đó thay đổi rất nhiều. Trong số đó, có người bị chết vì bệnh, có người điều đi nhận chức khác, đến khi sách *Đại Thanh Hội điển* đời Gia Khánh hoàn thành thì chỉ còn lại Tổng tài là Thác Tân và Tào Chấn Dung. Một số các Sử quán đặc biệt thì việc bố trí số lượng Tổng tài, Phó Tổng tài cũng không có quy định cụ thể. Thí dụ như *Minh sử quán*, vì thời gian kéo quá dài, đảm nhiệm chức vụ Tổng tài lần lượt có tới hơn mấy chục người.

Những thí dụ trên đã minh chứng cho số lượng Tổng tài, Phó Tổng tài không phải cố định, mà căn cứ vào mức độ quan trọng cùng khối lượng công việc khi biên soạn để thực hiện điều chỉnh gia giảm. Khi Sử quán chưa đặt ra chức Giám tu Tổng tài, trên thực tế khi đó Tổng tài là người lãnh đạo cao nhất của Sử quán. Thông thường Chánh, Phó Tổng tài không tham gia trực tiếp công tác biên soạn sách sử, cho nên đối với việc quản lý của Sử quán cũng khá lỏng lẻo. Chức trách chính của Chánh, Phó Tổng tài là thẩm định bản thảo sách,

Tổng tài người Mãn còn phải chịu trách nhiệm hiệu đính bản chữ Mãn. Ngoài ra, Chánh, Phó Tổng tài còn phải phụ trách mọi công việc của Sử quán như định ra chương trình làm việc, lên kế hoạch biên soạn sách sử, đôn đốc các nhân viên đẩy mạnh tiến độ làm việc, tiến hành khảo hạch nhân viên trong Sử quán. Trong thời gian đảm nhận chức vụ, Chánh, Phó Tổng tài trên nguyên tắc là chuyên trách công việc của Sử quán, không phải đến nguyên trị sở trước kia làm việc. Vào thời gian niên hiệu Đạo Quang, Đỗ Thụ Điền nhận chức tại Thực lục quán, vua Hàm Phong ban Dụ cho Nội các: *“Hiện tại, Thực lục quán đang biên soạn bản thảo, sắp sửa hoàn thành bộ sách, Đỗ Thụ Điền chuyên trách việc duyệt sửa, nay không cần phải về làm việc tại bộ Hình.”*

Nếu đang kiêm nhiệm làm việc, có việc thuyên bổ ngoại tỉnh, chức vụ đó khuyết người đảm nhiệm, phải làm bản tâu báo lên triều đình. Trong đời Thanh, một người có thể đồng thời kiêm nhiệm Tổng tài hoặc Phó Tổng tài của nhiều Sử quán giống như Trương Đình Ngọc, Ngọc Nhĩ Thái ...

Đề điều

Đề điều là viên quan xử lý các việc cụ thể trong Sử quán. Đề điều phụ trách việc điều động nhân sự, đôn đốc nhân viên, quản lý thư từ đi đến cùng kinh phí, nghiệp vụ... *“Đề điều nắm giữ việc chương từ, tấu văn, quản lý lại dịch”*. Tất cả công văn giấy tờ, tra soát cho phù hợp cùng khảo hạch nhân viên thực sự là chuyên trách của Đề điều.

Trong đại đa số các Sử quán, Đề điều thường thường do Nội các Thị độc Học sĩ, Thị độc và Hàn lâm viện Thị độc kiêm nhiệm, cũng có cả các quan trong hàng ngũ Toàn tu được đề bạt lên. Đề điều thuộc tầng lớp trí thức sách vở, rất thạo việc biên soạn sách sử, am hiểu việc quản lý nghiệp vụ của Sử quán. Đề điều đôi khi còn phải trực tiếp tham gia biên soạn sách sử. Ở các Sử quán đặc biệt, Đề điều không phải do các viên quan trong Nội các và Hàn lâm viện kiêm nhiệm mà xuất thân từ các nguồn khác. Thí dụ, Phương lược quán, Đề điều “đều do Quân cơ trong Kinh phái đến”. Ngọc điệp quán, Đề điều tất phải là một viên quan quản lý của Tôn nhân phủ. Nếu biên soạn thể lệ các Bộ, Viện, nguyên tắc Đề điều phải là người của các Bộ, Viện tự cử đến.

Thông thường số lượng Đề điều của các Sử quán gồm có từ 2 đến 4 người Hán và người Mãn hợp thành. Thí dụ như Quốc Sử quán *“Đề điều, 2 người Mãn Châu lấy Nội các Thị độc Học sĩ, Thị độc sung chức; 2 người Hán, lấy các quan Hàn lâm viện Thị độc sung vào”*. Nhưng số lượng dự định cách xa với con số trên thực tế, Đề điều được sử dụng thực sự để biên soạn *Cao Tông thực lục* gồm 5 người Hán, 5 người Mãn, 7 người Mông Cổ. Về Hội điển quán, trước khi Hội điển quán năm Quang Tự được thành lập, *“Thiết lập quan Đề điều người Mãn 2 viên, người Hán 1 viên”* ...

Đề điều tuy địa vị không được hiển hách như Tổng tài, nhưng đó là chức

quan làm việc thực sự trong Sử quán, là chiếc cầu nối giữa bên trên và bên dưới, phối hợp điều chỉnh, vì thế vị trí của Đề điệu vô cùng quan trọng.

2. Đội ngũ biên soạn

Là những người thực hành trực tiếp công việc trong Sử quán, là bộ phận cấu thành chủ yếu của đội ngũ biên soạn Sử quán. Bao gồm có Tổng toản, Toản tu, Hiệp tu...

Tổng toản

Chức Tổng toản xuất hiện sớm nhất trong Thực lục quán. Tháng 3 năm Gia Khánh thứ sáu (1801), nhận lệnh Nội các Học sĩ Cát Luân, Ngọc Lân, Tả Đô ngự sử Đô sát viện Ân Phổ, Thái thường Tự khanh Lưu Phụng Cáo làm quan Tổng toản. Đây là lần đầu tiên đặt chức Tổng toản trong Sử quán đời Thanh, sau đó Quốc Sử quán, Hội điển quán mô phỏng theo mà đặt thêm.

Tổng toản có số lượng hạn định, từ những hồ sơ lưu trữ có thể biết Thực lục quán định Tổng toản 2 người Hán, 2 người Mãn, nhưng trong thực tế con số này luôn biến đổi. Mỗi khi thiết lập các quán số lượng Tổng toản không giống nhau.

Tổng toản được lựa chọn từ trong các quan Toản tu, cũng tham gia biên soạn như Toản tu. Nhưng Tổng toản trong khi phải hoàn thành công việc của mình, lại phải còn sửa chữa toàn bộ bản thảo biên soạn của Toản tu, Hiệp tu, vạch ra thể lệ chung, chữa câu, chữ sai nhầm.

Toản tu

Quan Toản tu là đội quân chủ lực biên soạn sử của Sử quán, phần lớn các Toản tu trong các Sử quán đều đến từ Hàn lâm viện, Thiêm sự phủ, Nội các và các nha môn khác. Toản tu người Mãn châu lấy Nội các Thị độc Học sĩ, Thị độc Trung thư, cùng các quan trong các Bộ, khoa đạo sung bổ. Toản tu, Hiệp tu người Hán lấy các quan Hàn lâm viện Thị độc, Biên tu, Kiểm thảo Học sĩ trở xuống phái bổ. Các hồ sơ của Thực lục quán cho biết: số lượng Toản tu người Mãn, người Mông cổ đều cùng có 10 người trong Thực lục quán, từ các quan hàm lục phẩm trở lên của các nha môn ở Nội các lựa ra 1, 2 người tinh thông chữ Mãn Châu, chữ Mông Cổ, từ các viện Lý Phiên chọn lấy 8 viên quan Toản tu người Mông Cổ, đưa đến (Thực lục) quán, tiến hành khảo thí để sử dụng. 20 viên quan Toản tu người Hán sung bổ từ Hàn lâm viện, Thiêm sự phủ. Nhưng con số thực tế hoàn toàn vượt xa như ghi chép trong hồ sơ Thực lục quán. Vào giai đoạn vua Quang Tự, khi tiến hành biên soạn *Đại Thanh hội điển*, số lượng quan Toản tu người Mãn, người Hán là 36 viên. Quan Toản tu của Ngọc Diệp quán là 11 người, gồm các quan của Lý sự Tôn nhân phủ, Chủ sự người Mãn, Hàn lâm viện, Nội các Thị độc, các Ty thuộc bộ Lễ tổ hợp thành. Số lượng Toản tu của *Đại Thanh nhất thống chí* đời Khang Hy lên tới 113 người. Có thể đưa ra nhận xét: số lượng quan Toản tu giữa các Sử quán chênh nhau rất lớn. Cùng trong một Sử quán số lượng quan Toản tu được quy

định với thực tế số quan Toàn tu tham gia cũng khác nhau khá nhiều.

Mặc dù đội ngũ Toàn tu của Sử quán đời Thanh được tổ thành chủ yếu dựa vào các quan Hàn lâm viện, Nội các, ngoài ra còn có các viên quan được phái bổ từ các cơ cấu khác trong bộ máy chính quyền, nhưng cũng có một số Sử quán đội ngũ Toàn tu được thiết lập mang đặc thù riêng. Thí dụ như Phương lược quán hầu như toàn bộ số lượng quan Toàn tu được sung bổ từ Quân cơ trong Kinh, chỉ có một viên Toàn tu người Hán từ Hàn lâm viện được điều tới. Chúng ta đều rõ, Phương lược quán phần nhiều biên soạn về phương lược - chuyên sử của chiến tranh, các quan trong Quân cơ xử rất am hiểu vấn đề này, Hội điển quán biên soạn về điển chương, chế độ của các Bộ, Viện, nha môn, các quan Bộ, Viện rất thạo công việc đó. Cho nên, đưa họ đảm nhiệm chức Toàn tu đã thể hiện rõ tư tưởng chỉ đạo của Sử quán đời Thanh là sử dụng những người trong ngành để biên soạn sử.

Hiệp tu

Là nhân viên Toàn tu được đặt thêm, chủ yếu do một số viên quan chức thấp nhưng lại có đầy đủ tài năng biên soạn sử tập hợp thành. Lý do vì số lượng quan Toàn tu quy định trong các quán thiếu. Số lượng Hiệp tu không có định lệ, căn cứ theo nhu cầu biên soạn sử mà tăng hay giảm. Như khi biên soạn *Đại Thanh hội điển* thời Gia Khánh, vì Toàn tu không đủ, phải đặt thêm Hiệp tu. Bọn họ không lĩnh lương nhà nước, vốn

không định số lượng... nhân viên đưa đến ít nhiều không đều. Nguồn bổ sung của Hiệp tu, thông thường do Sử quán đưa công văn yêu cầu Nội các, Hàn lâm viện cử sang, có lúc cũng sử dụng biện pháp chiêu sinh khảo thí để lấy người. Giống như Toàn tu, Hiệp tu cũng đều phải siêng năng biên soạn sách.

Trong Thực lục quán còn có các chức Hiệu lục Toàn tu, Hiệu lục Thu chương và Hiệu lục Hiệu đính..., số lượng loại này rất ít, đây là những viên quan khi bị xử lý giáng chức, tạm thời sắp xếp làm hiệu lục trong quán. Như Quốc tử giám Tế tửu Pháp Thức Thiện từng bị vua Gia Khánh khiển trách vì những lỗi lầm đã "*phải làm Hiệu lục Hành tẩu trong Thực lục quán*". Lại như Thượng thư Na Ngạn Thành "*bên ngoài thì không thể quyết thắng nơi ngàn dặm, bên trong thì không có khả năng bày mưu tính kế, quả thật là kẻ vô dụng*", bị cách chức làm Hiệu lục Hành tẩu trong Thực lục quán. Số người này sẽ rất nhanh rời khỏi Sử quán, đổi giữ chức khác. Toàn tu người Mãn, người Mông Cổ trong Sử quán chuyên giữ công việc dịch thuật, chuyển ngữ từ văn bản chữ Hán ra chữ Mãn Châu, chữ Mông Cổ.

3. Nhân viên trợ giúp biên tập (Tá tư)

Chỉ những người Hiệu đính, Phiên dịch, Đăng lục, không trực tiếp biên soạn sử sách. Địa vị của họ trong Sử quán rất thấp, nhưng do có liên quan đến công việc hoàn thiện sử sách, cho nên vẫn có một tác dụng tích cực.

Hiệu đính

Hiệu đính là công việc đối chiếu, một cuốn sách sau khi đã biên soạn xong, tất phải căn cứ theo nhu cầu tiến hành đối chiếu chữ trong bản thảo sử sách của cả ba loại văn bản chữ Hán, chữ Mãn Châu, chữ Mông Cổ. Số lượng người Hiệu đính trong các Sử quán thường đều có hạn định, như Quốc Sử quán "*Hiệu đính, người Mãn, người Mông Cổ, người Hán đều 8 viên*", triều Gia Khánh biên soạn *Cao Tông thực lục* trong bản tấu định: Hiệu đính người Mãn, người Mông Cổ, người Hán đều 14 viên. Nhưng thực tế số người thông thường tăng giảm theo số lượng công việc nhiều ít. Giống như Quốc Sử quán vào đời Đạo Quang có 68 người Hiệu đính, đến năm Quang Tự thứ 14 tăng lên tới 348 người. Trong một số Sử quán như Quốc Sử quán, Thực lục quán còn đặt thêm chức Thanh văn Tổng hiệu, tổng phụ trách việc hiệu đính văn bản sách sử chữ Mãn. Điều này phản ánh sự coi trọng của giai cấp thống trị đối với văn hiến Mãn Châu. Theo sự phát triển của lịch sử, vào hậu kỳ triều Thanh, địa vị của Thanh văn Tổng hiệu ngày càng được nâng cao, nó liên quan trực tiếp đến số lượng văn võ đại thần tinh thông Mãn văn ngày càng ít đi. Lại có tên gọi chức quan khác như Tổng hiệu, Tường hiệu trong Sử quán, khiến cho chức trách của người Hiệu đính càng cụ thể, rõ ràng hơn. Các Sử quán không đặt người chuyên trách hiệu đính mà do Toàn tu kiêm nhiệm.

Phiên dịch, Đăng lục

Phiên dịch phụ trách việc chuyển dịch sử sách giữa chữ Hán, chữ Mãn, chữ Mông Cổ.

Đăng lục phụ trách chấn chỉnh sao lục thể chữ biên soạn bản thảo. Nhân viên phiên dịch và đăng lục các Sử quán có số lượng hạn định, nhưng cũng thường được điều chỉnh theo nhu cầu biên soạn sử sách

Hiệu đính, Phiên dịch, Đăng lục thường đều do Sử quán đưa công văn cho Nội các và bộ Lại cử người, nhưng vì nhu cầu lớn, nên nguồn lấy chính là tuyển chọn trong số những thí sinh, Cống sinh, Giám sinh thi trượt. "*Từ trước các quán biên soạn sách sử, số Đăng lục cần dùng, phân nhiều tổ chức thi, tuyển lựa từ các sĩ tử, Cống sinh, Giám sinh thi trượt bổ dụng vào Sử quán*". Có một tư liệu lưu trữ vào năm Đạo Quang thứ sáu (1826) cho biết, Ngọc Diệp quán "*để Toàn tu khảo thí lấy Đăng lục, Bút thiếp thức làm việc trong các Nha môn*". Điều này minh chứng thông qua khảo thí tuyển lấy nhân viên trợ giúp Sử quán đã trở thành định chế.

Ngoài ra, trong các Sử quán như Hội điển quán còn có thợ vẽ cũng thuộc về nhân viên trợ giúp biên tập.

4. Nhân viên tạp vụ

Trong Sử quán còn có một bộ phận nhân viên tạp vụ xử lý các công việc vặt hàng ngày, họ là những người bảo đảm công tác hậu cần cho việc biên soạn sách sử được thuận lợi. Danh xưng gồm Thu chưởng, Cung sự.

Thu chương

Phần lớn các Sở quán đều có chức danh Thu chương, là những nhân viên có nhiệm vụ bảo quản, thu phát thư tịch, tư liệu trong Sở quán. Trong các Hồ sơ biên soạn sử sách của Nội các, Quốc Sở quán, Phương lược quán... thường xuyên xuất hiện công văn gửi thư tịch đi, công văn gửi thư tịch đến có chữ ký của viên Thu chương. Số lượng Thu chương có hạn định, song ở các quán đều không giống nhau, Quốc Sở quán quy định 4 viên Thu chương, cả người Hán và người Mãn. Phương lược quán quy định, 2 người Hán, 2 người Mãn, Ngọc Diệp quán lệ định 12 người chủ yếu là người Mãn; Thực lục quán số lượng không định lệ, thông thường từ 18 đến 20 người Mãn, người Hán. từ 6 đến 8 người Mông Cổ. Thu chương thường do Trung thư Thiêm sự phủ, bút thiệp thức ở Nội các, Hàn lâm viện, và các quan nhỏ ở kinh, bút thiệp thức các nha môn sung bổ.

Cung sự

Cung sự là nhân viên cần vụ xử lý các công việc vặt hàng ngày trong Sở quán. Họ do Đề điều cử đến thi hành nhiệm vụ trong mọi cơ cấu của Sở quán. Các việc như vào sổ đăng ký, ghi chép công việc, thu phát giấy tờ, đều do Cung sự giải quyết. Cung sự có lúc cũng sao chép bản thảo sử sách. Ngoài Thu chương, Cung sự ra, trong các Sở quán khác nhau còn có một số chức danh nhân viên tạp vụ khác như "Thừa phát" trong Phương lược quán, hay Chỉ tượng (Thợ giấy) trong Hội điển quán.

Chúng ta có thể rút ra những nhận xét khái quát về cơ cấu nhân sự trong Sở quán triều Thanh như sau:

+ Người Hán, người Mãn, người Mông Cổ đều chiếm một tỷ lệ nhất định trong Sở quán triều Thanh. Trong đó số lượng người Hán và người Mãn tương đương nhau.

+ Đặc điểm kết hợp giữa tính ổn định và tính linh hoạt trong việc phiên chế của Sở quán đời Thanh.

+ Địa vị của các nhân viên khác nhau trong Sở quán không ổn định có liên quan mật thiết với nhiệm vụ cụ thể trong Sở quán. Sự biến động trong thực tế theo chiều hướng tích cực, có lợi cho việc hoạt động biên soạn bình thường của Sở quán.

Tóm lại, Sở quán đời Thanh có một quy chế chặt chẽ trong việc sắp xếp cơ cấu nhân sự. Từ đội ngũ quản lý, nhân viên biên soạn, nhân viên trợ giúp đến nhân viên tạp vụ, đều có sự phân công theo tầng thứ, trách nhiệm phân minh, ngăn chặn được tệ nạn bất lực trong tổ chức của Sở quán, bảo đảm cho việc biên soạn được thuận lợi. Chính sự phân công trách nhiệm rõ ràng này tránh được hiện tượng nhiều người cùng nhau biên soạn công trình sẽ bị chia cắt, không thống nhất về phương pháp cũng như tư tưởng.

Có thể khẳng định năng lực biên soạn của Sở quán đời Thanh là mạnh nhất, hiệu quả nhất trong lịch sử thành lập sử quán biên soạn của Trung Quốc. Thành tựu của Sở quán triều Thanh rất to lớn, trong các công trình do Sở quán triều

Thanh chủ trì, đáng kể nhất là bộ *Minh sử* đã trở thành mẫu mực cho phương pháp biên soạn quốc sử.

Sử quán triều Thanh biên soạn *Minh sử* kéo dài trong gần 100 năm bắt đầu kể từ khi lập Sử quán vào năm Thuận Trị thứ 2 (1645) đến năm Càn Long thứ 4 (1739) trải qua 4 đời vua bộ sách mới hoàn thành việc biên soạn và in khắc. Trong gần một thế kỷ biên soạn, đã nhiều lần thay đổi Tổng tài, cũng có vài chục người tham gia thảo luận về thể lệ của bộ sách, số lượng tham gia biên tập, hiệu đính tới vài nghìn người. Các vua Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đã nhiều lần hạ lệnh Sử thần sửa chữa, hiệu chỉnh. Bộ sách hoàn thành với một khối lượng khổng lồ, gồm 332 quyển, 4 quyển mục lục. Đây là bộ sách lịch sử được biên soạn theo thể kỷ truyện, viết về toàn bộ thời gian tồn tại của triều Minh trong vòng 276 năm, từ đời Minh Thái tổ nguyên niên (1368) đến năm thứ 17 niên hiệu Minh Sùng Trinh (1644). Theo đánh giá của giới sử học Trung Quốc, *Minh sử* là bộ sách chứa đựng tư liệu phong phú, văn phong điều luyện, sự kiện lịch sử, đánh giá nhân vật tương đối khách quan, công bằng, phương pháp biên soạn nghiêm túc. Đồng thời cũng là một bộ quốc sử do Nhà nước biên soạn kéo dài nhất trong lịch sử sử học Trung Quốc⁽³⁾.

CHÚ THÍCH

1. Đường thư-quyển 1, Kỷ Văn đế.
2. Doãn Đạt chủ biên (1985): *Trung Quốc sử học phát triển sử*. Trung Châu xuất bản xã, Hà Nam, tr.302-303.

3. Thượng Hải từ thư xuất bản xã (1983): *Trung Quốc lịch sử đại từ điển- Sử học sử quyển*, tr.278.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 尹达主编 (1985): 中国史学发展史. lịch sử phát triển sử học Trung Quốc. 中国, 河南, 中州古籍出版社.
2. 宋馥香 (2006): 论北宋的唐史编撰和政治诉求. Bàn về việc biên soạn lịch sử triều Đường và tìm hiểu chính trị của triều Bắc Tống. 中国. 史学史研究, 第3期.
3. 王记录 (2005): 百余年来中国古代史馆制度研究述评. Bình luận tình hình nghiên cứu chế độ sử quán cổ đại Trung Quốc trong 100 năm qua. Theo <http://www.xiangyata.net.cn> ngày 12-10-2005.
4. 王记录 (2005): 清代史馆的人员设置与管理机制. Sắp xếp nhân viên và cơ chế quản lý của Sử quán đời Thanh. 中国史学史研究, 第120期.
5. 陈其泰 (2003): 中国古代史馆修史功过得失略论. Bàn về công tội, lợi hại của việc thiết lập quán biên soạn sử thời cổ đại Trung Quốc. 中国. 河北学刊, 第5期 23卷.
6. 陳其泰(2003): 设馆修史与中华文化的传承. Sự thiết lập quán biên soạn sử với kế thừa văn hoá Trung Hoa. 中国, 清史研究, 第1期.
7. 中國歷史大辭典 (1995), 明史. Trung Quốc lịch sử đại từ điển, Minh sử . 中國, 上海辭書出版社.
8. 中國歷史大辭典 (1983), 史學史. Trung Quốc lịch sử đại từ điển, Sử học sử. 中國, 上海辭書出版社.